TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 24/8/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Đỗ Thị Thúy V**. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Võ Minh T**. Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 12 năm 2022) (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Từ Nghiêm A** và bà **Lư Xuân H**. (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Đỗ Sơn L**. Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022 của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản

hòa giải cùng ngày 22/6/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Minh T trình bày :

Nguyên vào ngày 16/01/2019, hai vợ chồng ông Từ Nghiêm A và bà Lư Xuân H có mượn của bà Đỗ Thị Thúy V số tiền là 200.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn trả theo thỏa thuận bằng miệng là 12 tháng. Do quen biết nên bà V đồng ý cho mượn, lúc mượn số tiền trên thì vợ chồng ông A và bà H có làm giấy mượn tiền viết tay cho bà V. Sau khi mượn tiền thì vợ chồng ông A và bà H có trả được cho bà V số tiền tổng cộng là 33.000.000 đồng. Nhưng kể từ ngày 16/01/2020 thì vợ chồng ông A và bà H không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho bà V.

Bà V có nhiều lần liên hệ gặp trực tiếp với hai vợ chồng ông A và bà H để đòi lại số tiền vốn gốc mà hai vợ chồng ông A và bà H đã mượn của bà V, nhưng ông A và bà H cứ hứa hẹn nhiều và cố tình trốn tránh không trả tiền vốn gốc cho bà V.

Như vậy vợ chồng ông A và bà H còn thiếu tiền mượn của bà V tổng cộng là 200.000.000 đồng – 33.000.000 đồng = 167.000.000 đồng.

Do đó, bà Đỗ Thị Thúy V khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

Buộc vợ chồng ông Từ Nghiêm A và bà Lư Xuân H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà V tổng số tiền là: 167.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Trong quá trình giải quyết vụ án thì phía bị đơn ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H đã trả được cho bà V thêm số tiền là 15.000.000 đồng, tổng cộng ông A, bà H đã trả cho bà V số tiền là 48.000.000 đồng. Do đó, bà V xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là buộc ông A, bà H trả cho bà V số tiền là 152.000.000 đồng.

Đồng thời, ông Võ Minh T cho rằng số tiền 58.000.000 đồng mà ông A chuyển khoản cho bà V qua Ngân hàng thì bà V thừa nhận có nhận số tiền 58.000.000 đồng này nhưng số tiền này là trả cho khoản nợ 60.000.000 đồng mà ông A, bà H mượn riêng của bà V sau ngày 16/01/2019 nhưng lúc cho mượn 60.000.000 đồng thì bà V chỉ đưa tiền mặt, không có làm biên nhận nên cũng không nhớ rõ ngày tháng năm cho mượn.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 16/3/2023; biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 22/6/2023 và tại phiên tòa, bị đơn ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H trình bày:

Vào ngày 16/01/2019 vợ chồng ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H có mượn của bà Đỗ Thị Thúy V số tiền vốn là 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Trong quá trình vay vốn thì vợ chồng ông, bà có đóng lãi cho bà V từ tháng 01/2019 đến tháng 01/2021 với số tiền là 144.000.000 đồng (mỗi tháng trả 6.000.000 đồng). Đến tháng 4/2021 thì bà V và vợ chồng ông A, bà H có thỏa thuận là bà V chuyển khoản nợ 200.000.000 đồng sang cho ông Đỗ Sơn L, coi như vợ chồng ông A, bà H không còn nợ bà V số tiền 200.000.000 đồng nữa mà vợ chồng ông, bà chỉ nợ của ông Đỗ Sơn L (Ông L là anh ruột bà V). Do đó, ngày

01/4/2021 thì ông Đỗ Sơn L mới lập biên nhận có nội dung là Từ Nghiêm A có mượn của ông Đỗ Sơn L số tiền là 350.000.000 đồng (Trong đó là bao gồm 200.000.000 đồng tiền nợ từ bà V chuyển qua và tiền mượn mới là 150.000.000 đồng), sau đó vợ chồng ông, bà đã trả cho ông Đỗ Sơn L được tổng cộng là 107.000.000 đồng tiền vốn. Hiện nay, vợ chồng ông, bà chỉ còn nợ lại ông Đỗ Sơn L số tiền vốn là 243.000.000 đồng.

Việc thỏa thuận giữa bà V với vợ chồng ông A, bà H về việc chuyển nợ sang cho ông Đỗ Sơn L không có làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng, vì là chỗ quen biết nên tin tưởng nhau.

Việc nguyên đơn cho rằng không có thỏa thuận lãi suất là không đúng vì thực tế các bên có thỏa thuận lãi suất miệng là 3%/tháng. Vợ chồng ông A, bà H đã trả lãi cho bà V từ tháng 01/2019 đến tháng 01/2021 với số tiền là 144.000.000 (Trong đó nhiều lần trả tiền mặt có khi trả 9.000.000 đồng, có khi trả 6.000.000 đồng, có khi trả 18.000.000 đồng…, các lần trả tiền mặt không có làm biên nhận; đồng thời có 02 lần chuyển khoản qua ngân hàng số tiền là 58.000.000 đồng).

Còn việc bà V nói sau ngày 16/01/2019 ông A, bà H có mượn thêm của bà V số tiền 60.000.000 đồng là hoàn toàn không đúng sự thật. Ông A, bà H không có mượn số tiền 60.000.000 đồng của bà V. Do đó, bà V nói số tiền 58.000.000 đồng mà ông A chuyển khoản cho bà V là để trả cho khoản vay 60.000.000 đồng là không đúng sự thật.

Do ông, bà không còn nợ tiền của bà V nữa vì số nợ của bà V đã chuyển qua hết cho ông Đỗ Sơn L nên ông, bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà V.

Theo biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 22/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Sơn L trình bày:

Ông chỉ biết là ngày 01/4/2021 ông có cho ông Từ Nghiêm A mượn số tiền là 350.000.000 đồng. Còn việc ông A cho rằng có thỏa thuận chuyển số tiền đã mượn của bà V là 200.000.000 đồng qua cho ông thì ông hoàn toàn không biết. Thực tế số tiền 350.000.000 đồng này là tiền ông A mượn của ông, chứ không có liên quan đến bà V.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

+ Đối với nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V đã thực hiện, chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đối với bị đơn ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Sơn L đã thực hiện, chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Từ Nghiêm A và bà Lư Xuân H có trách nhiệm thanh toán trả lại cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V số tiền 94.000.000 đồng.

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Từ Nghiêm A và bà Lư Xuân H phải trả số tiền vay còn lại 58.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Thúy V số tiền vốn vay còn nợ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H cư trú tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Sơn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Sơn L.

[4] Đối với việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 152.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V thì thấy rằng: Bà Đỗ Thị Thúy V cho rằng vào ngày 16/01/2019, hai vợ chồng ông Từ Nghiêm A và bà Lư Xuân H có mượn của bà Đỗ Thị Thúy V số tiền là 200.000.000 đồng và để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì bà Đỗ Thị Thúy V có cung cấp cho Tòa án "Giấy mượn tiền" đề ngày 16/01/2019 (Bút lục 71). Sau đó, ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H đã trả cho bà Đỗ Thị Thúy V số tiền 48.000.000 đồng. Phía bị đơn

ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H đều thừa nhận ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H có mượn của bà Đỗ Thị Thúy V số tiền là 200.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" đề ngày 16/01/2019 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H cũng thừa nhận chữ ký trong "Giấy mượn tiền" đề ngày 16/01/2019 đúng là chữ ký của ông A, bà H.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, có đủ cơ sở xác định là ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H có vay của bà Đỗ Thị Thúy V số tiền 200.000.000 đồng theo "Giấy mượn tiền" đề ngày 16/01/2019.

[2] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 152.000.000 đồng thì thấy rằng: Bà Đỗ Thị Thúy V cho rằng từ khi vay cho đến nay ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H đã trả cho bà V số tiền là 48.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 152.000.000 đồng. Phía bị đơn ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H thì cho rằng đã trả được cho bà Đỗ Thị Thúy V số tiền là 144.000.000 đồng; phía bà Đỗ Thị Thúy V không thừa nhận là có nhận của ông A, bà H số tiền là 144.000.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày của mình thì ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H có cung cấp được chứng cứ là ông A có chuyển khoản trả cho bà V 02 lần với số tiền là 58.000.000 đồng (lần 1 chuyển khoản số tiền là 10.000.000 đồng vào ngày 21/7/2020 (Bút lục 67); lần 2 chuyển khoản số tiền là 48.000.000 đồng vào ngày 29/10/2020 (Bút lục 68)); đối với số tiền còn lại thì ông A, bà H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là đã trả cho bà V. Phía bà Đỗ Thị Thúy V cũng thừa nhận là có nhận số tiền 58.000.000 đồng mà ông A chuyển khoản cho bà V, tuy nhiên theo bà Đỗ Thị Thúy V thì số tiền 58.000.000 đồng này là để trả cho khoản nợ 60.000.000 đồng mà ông A, bà H vay của bà V sau ngày 16/01/2019. Tuy nhiên, phía ông A, bà H không thừa nhận là có vay thêm số tiền 60.000.000 đồng của bà V; phía bà V cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là số tiền 58.000.000 đồng mà ông A chuyển khoản cho bà V là để trả cho khoản vay 60.000.000 đồng như bà V trình bày nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Như vậy, từ lời thừa nhận của bà V và chứng cứ do ông A cung cấp có đủ cơ sở xác định là ông A, bà H đã trả cho bà V tổng số tiền là 106.000.000 đồng. Đối với số tiền này thì ông A, bà H cho rằng trả tiền lãi, còn bà V cho rằng hai bên không có thỏa thuận lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền 106.000.000 đồng này sẽ được khấu trừ vào số tiền vốn là 200.000.000 đồng mà bị đơn đã vay của nguyên đơn vào ngày 16/01/2019, việc khấu trừ này là có lợi cho phía bị đơn. Như vậy sau khi khấu trừ số tiền 106.000.000 đồng thì bị đơn chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 94.000.000 đồng. Do đó, việc nguyên đơn cho rằng hiện nay bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền là 152.000.000 đồng là không có căn cứ.

[3] Đối với việc bị đơn ông Từ Nghiêm A cho rằng giữa bà V và vợ chồng ông A, bà H có thỏa thuận là bà V chuyển khoản nợ 200.000.000 đồng sang cho ông Đỗ Sơn L, coi như vợ chồng ông A, bà H không còn nợ bà V số tiền 200.000.000 đồng nữa mà vợ chồng ông A, bà H chỉ nợ của ông Đỗ Sơn L (Ông L

là anh ruột bà V). Do đó, ngày 01/4/2021 thì ông Đỗ Sơn L mới lập biên nhận có nội dung là Từ Nghiêm A có mượn của ông Đỗ Sơn L số tiền là 350.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có việc thỏa thuận này. Phía ông Đỗ Sơn L, bà Đỗ Thị Thúy V đều cho rằng không có sự thỏa thuận này. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về tiền lãi vay: Do nguyên đơn không yêu cầu ông A, bà H trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V, buộc ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V số tiền là 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V về việc yêu cầu ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H trả số tiền là 58.000.000 đồng.

[7] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Từ Nghiêm A và bà Lư Xuân H có trách nhiệm thanh toán trả lại cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V số tiền 94.000.000 đồng; Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Từ Nghiêm A và bà Lư Xuân H phải trả số tiền vay còn lại 58.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm:

Bị đơn ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận với số tiền án phí là (94.000.000 đồng x 05%) = 4.700.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là (58.000.000 đồng x 05%) = 2.900.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V.

1.1. Buộc ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V số tiền là 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V về việc yêu cầu ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H trả số tiền là 58.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Từ Nghiêm A, bà Lư Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng)

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 4.175.000 đồng (Bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005776 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Đỗ Thị Thúy V được nhận lại số tiền còn thừa là 1.275.000 đồng (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam